

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ PHÚ YÊN

(Kèm theo Thông báo số 3408 /TB-HĐTĐ ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Đặng Thị Nhật	Á				11	7	1991	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		PHY00002		VT	VT	VT		PHY00198
2	Hồ Thị Quỳnh	An				6	10	1990	Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh tế kế hoạch và đầu tư		PHY00006		VT	VT	VT		PHY00135
3	Nguyễn Thị Hoài	Ấn				4	4	1982	Xuân Phú, TX Sông Cầu, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Tài chính Doanh nghiệp		PHY00015		50.00	67.50	57.50		PHY00541
4	Trần Thị Hoài	Ấn				16	3	1992	Thôn Nho Lâm, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, Phú yên	Trường đại học công nghệ TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY00017		60.00	46.25	60.00		PHY00025
5	Kiều Thị Lan	Anh				18	12	1992	Phường Phú Lâm, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Ngân hàng	Con NHĐKC bị NCDHH	PHY00022	20	80.00	58.75	85.00		PHY01013
6	Trần Cao Kim	Anh				4	7	1990	Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Dân lập Văn Lang	Marketing		PHY00042		37.50	52.50	62.50		PHY01083
7	Trần Cao Ngọc	Anh				4	7	1990	Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng Thương mại		PHY00043		VT	VT	VT		PHY03004
8	Nguyễn Thị	Ảnh				1	5	1994	Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		PHY00049		82.50	56.25	65.00		PHY00032
9	Nguyễn Nhật	Bằng	26	9	1990				Thanh Hội, Sơn Hà, Sơn Hòa, Phú Yên	Học viện Hàng không Việt Nam	Quản trị doanh nghiệp HK		PHY00050		62.50	72.50	77.50		PHY00528
10	Phạm Thị	Bích				20	4	1987	Cẩm Sơn, Hòa Quang, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp		PHY00054		VT	VT	VT		PHY01025
11	Mai Thị	Bình				10	10	1990	Thôn Chánh Nam, xã Xuân Thọ 1, Thị xã Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY00061		70.00	58.75	72.50		PHY00073
12	Lê Thị Tú	Cầm				20	6	1991	Xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		PHY00069		VT	VT	VT		PHY00090
13	Đặng Lê Phương	Châu				7	10	1994	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		PHY00074		80.00	55.00	67.50		PHY01027
14	Đặng Nguyễn Trúc	Chi				13	1	1980	Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại		PHY00084		VT	VT	VT		PHY00509
15	Nguyễn Vũ Quỳnh	Chi				24	2	1992	Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Trường đại học Văn Lang	Kế toán		PHY00089		77.50	55.00	67.50		PHY00068
16	Võ Thị Ngọc	Chi				2	12	1992	Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00092		77.50	62.50	77.50		PHY00076
17	Trần Thị Kim	Chung				22	11	1991	Phú Khánh, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00099		75.00	40.00	62.50		PHY01128
18	Ngô Thị Linh	Đa				5	1	1991	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		PHY00108		57.50	60.00	67.50		PHY01058
19	Hồ Nguyễn Phương	Danh				21	4	1992	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh thương mại		PHY00113		65.00	50.00	70.00		PHY01017
20	Nguyễn Thị Hồng	Đào				19	11	1990	Xã An Xuân, Huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Ngoại thương		PHY00115		75.00	73.75	77.50		PHY01046
21	Mạc Tấn	Đạt	18	11	1983				An Nhơn, Bình Định	Trường đại học Phú Yên	Kế toán		PHY00118		60.00	35.00	57.50		PHY00039
22	Nguyễn Vũ Lan	Di				25	12	1990	Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY00122		VT	VT	VT		PHY00122
23	Đặng Thị Vương	Diễm				16	4	1994	P. Xuân Yên, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		PHY00123		VT	VT	VT		PHY01146
24	Nguyễn Thị Hồng	Diễm				23	7	1989	Quang Hưng, Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00124		62.50	32.50	52.50		PHY01118

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
25	Võ Thị Thủy	Diễm				14	7	1989	Xuân Thọ 2, Sông Cầu, Phú Yên	ĐH Lạc Hồng	Tài chính- Ngân hàng		PHY00126		VT	VT	VT		PHY00530
26	Huỳnh Thị	Điểm				16	9	1991	Thôn Phú Khánh, Xã Hòa Tân Tây, Huyện Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY00127		75.00	75.00	62.50		PHY00136
27	Đặng Phạm Ngọc Minh	Diễn	18	7	1992				Xuân Long, Đồng Xuân, Phú Yên	Trường Đại học Tài chính Kế toán	Ngân hàng		PHY00129		42.50	27.50	60.00		PHY03005
28	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp				11	10	1994	Hòa Phú, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Đà Lạt	Luật		PHY00131		80.00	58.75	80.00		PHY01112
29	Ngô Thị	Diệp				3	9	1986	Khu phố Phước Mỹ, TT Phú Thứ, Tây Hòa, PHú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00132		45.00	35.00	52.50		PHY00183
30	Nguyễn Thị Hòa	Diệu				1	8	1993	Phong Niên, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY00134		VT	VT	VT		PHY01157
31	Nguyễn Thị Kim	Diệu				22	10	1992	Phú Long, An Mỹ, Tuy An, Phú Yên	Đại học Nông Lâm TP HCM	Quản trị tài chính		PHY00135		57.50	46.25	75.00		PHY01048
32	Văn Thị Mỹ	Diệu				20	4	1988	Tây Giang, Tây Sơn, Bình Định	Trường đại học Quang Trung	Kế toán		PHY00139		VT	VT	VT		PHY00022
33	Tôn Lê Anh	Định	26	2	1990				Thôn Phú Sen Đông, Xã Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế - ĐH Huế	Marketing		PHY00142		65.00	37.50	57.50		PHY00531
34	Ngô Vũ Diễm	Đoan				19	4	1992	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY00143		VT	VT	VT		PHY00121
35	Huỳnh Dương Phương	Dung				20	12	1989	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00160		52.50	42.50	67.50		PHY00153
36	Huỳnh Thị Hoàng	Dung				2	2	1990	Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Bách Khoa TP Hồ Chí Minh	Quản lý công nghiệp quản trị kinh doanh		PHY00161		65.00	63.75	67.50		PHY00144
37	Lê Thị Mỹ	Dung				2	2	1989	Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00162		82.50	53.75	70.00		PHY00012
38	Nguyễn Thị Phương	Dung				10	1	1993	Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		PHY00165		VT	VT	VT		PHY01132
39	Trần Thị Ngọc	Dung				12	7	1991	Xã Xuân Hải, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Luật	Kế toán kiểm toán		PHY00173		62.50	73.75	75.00		PHY00131
40	Trương Thị Thùy	Dung				20	2	1989	Phú Đa, Hòa Tân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00174		VT	VT	VT		PHY01057
41	Nguyễn Quốc	Dũng	15	9	1992				Thôn Tuy Bình, Xã Đức Bình Tây, Sông Hinh, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY00182		VT	VT	VT		PHY01065
42	Bùi Khánh	Dương	15	6	1988				Tân Hòa, Sơn Phước, Sơn Hòa, Phú Yên	Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		PHY00186		60.00	50.00	67.50		PHY01158
43	Phan Minh	Dương	2	1	1992				Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học kinh tế TP HCM	Kiểm toán		PHY00192		VT	VT	VT		PHY01084
44	Phan Ái	Duyên				6	7	1993	Phước Khánh, Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	University of Greenwich	Quản trị kinh doanh		PHY00201		57.50	MT	75.00		PHY00087
45	Phan Thị Mỹ	Duyên				1	2	1990	TT Chí Thanh, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00202		57.50	56.25	60.00		PHY00148
46	Trần Thị Thùy	Duyên				2	8	1993	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học Văn Lang	Kế toán		PHY00204		62.50	58.75	65.00		PHY01120
47	Võ Thị Lệ	Duyên				8	7	1993	KP Phú Thứ, TT Phú Thứ, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		PHY00205		47.50	48.75	40.00		PHY00124
48	Nguyễn Thị Trà	Giang				4	4	1989	Mỹ Trung, Hòa Thịnh, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00218		67.50	51.25	57.50		PHY00172
49	Trương Hà	Giang				25	12	1992	Tuy Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Quản trị		PHY00223		VT	VT	VT		PHY00503
50	Đặng Tô	Hà				9	3	1993	An Định, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Tài Chính - Marketing	Thương mại quốc tế		PHY00225		47.50	77.50	75.00		PHY00120
51	Lê Thị Thu	Hà				25	9	1989	Quảng Nam	Đại học Đà Lạt	Kế toán		PHY00231		65.00	55.00	67.50		PHY01095
52	Nguyễn Thị Trúc	Hà				20	3	1994	Đội 4, thôn Đông Lộc, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00237		82.50	52.50	65.00		PHY00036
53	Nguyễn Vũ Phú	Hà				2	10	1990	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Kỹ thuật công nghệ TP HCM	Kế toán		PHY00238		VT	VT	VT		PHY01032
54	Lương Thị Định	Hà				22	5	1985	TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Ngoại thương		PHY00248		VT	VT	VT		PHY01142

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
55	Đặng Thị Minh	Hải				20	2	1986	Đồng Phước, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY00249		72.50	65.00	70.00		PHY01040
56	Trần Phi	Hải	15	2	1990				Xuân Sơn Nam, Đồng Xuân, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Con NHCS như TB	PHY00253	20	57.50	61.25	72.50		PHY00092
57	Trần Thị Thanh	Hải				26	4	1983	Huyện Kim Thành, Kinh Môn, Hải Dương	Khoa Kinh tế - ĐH Quốc gia TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00256		65.00	MT	57.50		PHY01137
58	Bùi Thị Thanh	Hằng				20	11	1993	Hòa Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		PHY00262		VT	VT	VT		PHY01033
59	Hồ Thị Thúy	Hằng				6	4	1987	Xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00265		VT	VT	VT		PHY01088
60	Lương Mỹ	Hằng				25	8	1994	Thôn Minh Đức, xã Hòa Kiến, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	PHY00271	20	VT	VT	VT		PHY01078
61	Nguyễn Thị	Hằng				15	10	1992	Thịnh Sơn, Đồ Lương, Nghệ An	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		PHY00276		77.50	32.50	72.50		PHY03006
62	Nguyễn Thị Lệ	Hằng				28	2	1983	Bản Thạch, Hòa Xuân Đông, Đồng Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Thương mại		PHY00278		VT	VT	VT		PHY00540
63	Phạm Thị Thu	Hằng				22	12	1989	An Dân, Tuy An, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Ngoại thương		PHY00285		65.00	53.75	60.00		PHY01003
64	Phan Huỳnh Phương	Hằng				2	12	1992	Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		PHY00286		VT	VT	VT		PHY01060
65	Phan Thị Diễm	Hằng				11	12	1992	Quang Hưng, Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Mở TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00287		VT	VT	VT		PHY01047
66	Phan Thị Vĩnh	Hằng				10	1	1992	Thôn Ngân Sơn, TT Chí Thạnh, Tuy An, Phú Yên	ĐH Duy Tân	Ngân hàng		PHY00289		VT	VT	VT		PHY00504
67	Trần Thị Thanh	Hằng				29	10	1991	Long Bình, Thị trấn La Hai, Huyện Đồng Xuân, Tỉnh Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		PHY00294		VT	VT	VT		PHY01050
68	Trần Thị Thoại	Hằng				12	10	1990	Mỹ Quang Nam, An Chấn, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00295		57.50	32.50	52.50		PHY00082
69	Lê Thị Bích	Hạnh				15	1	1983	TT Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	Con NHCS như TB	PHY00302	20	VT	VT	VT		PHY01135
70	Nguyễn Thị Bích	Hạnh				12	10	1990	P6, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán		PHY00306		50.00	41.25	70.00		PHY01153
71	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh				30	10	1986	Xã An Cư, Huyện Tuy An, Phú Yên	ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Kế toán		PHY00307		45.00	43.75	57.50		PHY00502
72	Ngô Thị Thu	Hào				25	1	1992	Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính công		PHY00319		55.00	62.50	70.00		PHY00108
73	Ngô Thị Thu	Hậu				5	11	1994	Thôn Vinh Ba, xã Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Lạc Hồng	Kế toán- Kiểm toán		PHY00324		VT	VT	VT		PHY00508
74	Đào Minh	Hiền	17	9	1993				Mỹ Thạnh Đông 1, Hòa Phong, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00326		VT	VT	VT		PHY00029
75	Đinh Thị Kim	Hiền				18	8	1987	Mỹ Hòa, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY00327		75.00	53.75	77.50		PHY01062
76	Dương Thị Mỹ	Hiền				13	8	1991	An Hiệp, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY00329		VT	VT	VT		PHY00151
77	Ngô Thị Thu	Hiền				13	9	1985	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00335		75.00	36.25	70.00		PHY00101
78	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền				11	1	1991	Thôn Phú Lễ, Hòa Thành, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY00340		92.50	55.00	80.00		PHY00137
79	Trần Tấn	Hiền	24	4	1992				An Phú, Tuy An, Phú Yên	Đại học Luật TP HCM	Luật Hành chính		PHY00344		62.50	47.50	60.00		PHY01020
80	Trần Thị Út	Hiền				14	6	1986	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		PHY00345		VT	VT	VT		PHY00049
81	Hồ Thị Ngọc	Hiếu				9	9	1993	Phú Xuân, Thừa Thiên Huế	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		PHY00358		92.50	50.00	80.00		PHY00091
82	Lê Thị Thùy	Hiếu				4	9	1984	Khu phố Phương Lưu Đông, Xuân Đài, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00364		47.50	37.50	57.50		PHY00191
83	Cao Thị	Hiệu				20	11	1982	Thôn Thạch Hội, Sơn Hà, Sơn Hòa, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00369		35.00	33.75	40.00		PHY00058
84	Dương Hồng	Hòa	15	6	1975				TT Hòa Vinh, Đồng Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY00379		60.00	37.50	70.00		PHY01105

ngt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
85	Nguyễn Thị Kim	Hòa				20	6	1978	Thôn Cẩm Thạch, Xã Hòa Định Tây, Phú Hòa, Phú yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00387		32.50	38.75	30.00		PHY00052
86	Trần Thị Mai	Hòa				1	5	1985	Thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00389		30.00	37.50	50.00		PHY00114
87	Đỗ Thị Thu	Hoài				10	11	1993	Phú yên	Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY00392		42.50	51.25	40.00		PHY01006
88	Hồ Thị Phương	Hoài				30	7	1992	Thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Phú yên	Trường đại học công nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY00393		72.50	58.75	67.50		PHY00069
89	Nghiêm Thị	Hoài				22	2	1992	Sơn Định, Sơn Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh Quốc tế		PHY00394		35.00	30.00	57.50		PHY00095
90	Nguyễn Thị	Hoài				1	4	1989	Thạch Thượng, Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học kinh tế Quốc Dân	Thông kê kinh tế - xã hội		PHY00396		VT	VT	VT		PHY00119
91	Nguyễn Phương	Hoàng	27	9	1993				Liên Trì 1, xã Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Tài chính kế toán		PHY00405		50.00	28.75	65.00		PHY00055
92	Trần Minh	Hoàng	5	12	1991				Thôn Tân Long, xã Xuân Sơn Nam, Huyện Đồng Xuân, Tỉnh Phú Yên	ĐH Kinh tế - ĐH Huế	Kế toán doanh nghiệp	Con NHCS như TB	PHY00407	20	72.50	36.25	70.00		PHY00511
93	Cao Thị Mỹ	Hồng				20	2	1988	Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Ngân hàng		PHY00410		52.50	66.25	57.50		PHY00513
94	Nguyễn Thị Thanh	Huệ				2	5	1989	Phước Lộc 1, Hòa Thành, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường ĐH Điện Lực	Quản trị kinh doanh		PHY00423		VT	VT	VT		PHY00067
95	Phạm Thị	Hưng				10	4	1987	KP Dân Phước, Phường Xuân Thành, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00432		62.50	43.75	50.00		PHY01064
96	Đinh Thị Mai	Hương				24	9	1987	Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00436		82.50	52.50	80.00		PHY00128
97	Nguyễn Thị	Hương				26	10	1993	Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		PHY00446		VT	VT	VT		PHY01085
98	Nguyễn Thị	Hương				6	7	1989	Phú Ân, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY00445		82.50	65.00	75.00		PHY01034
99	Nguyễn Thị Minh	Hương				13	9	1982	TT Củng Sơn, Sơn Hòa, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00448		32.50	27.50	57.50		PHY00060
100	Trần Thị Thu	Hương				22	11	1990	Xuân Hòa, Hòa Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00456		VT	VT	VT		PHY00188
101	Nguyễn Thị Thu	Hướng				1	9	1991	Quang Hưng, Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	ĐH Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính- Ngân hàng		PHY00459		60.00	63.75	62.50		PHY00532
102	Đỗ Minh	Huy	26	7	1991				Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Ngoại Thương HCM	Tài chính quốc tế		PHY00462		55.00	88.75	65.00		PHY01114
103	Hồ Xuân	Huy	2	2	1991				Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY00463		72.50	62.50	72.50		PHY00535
104	Mai Vĩnh	Huy	23	3	1988				An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		PHY00464		VT	VT	VT		PHY01141
105	Trần Thanh Nguyễn	Huy	24	12	1991				Thôn Phước Nông, Xã Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		PHY00468		VT	VT	VT		PHY00050
106	Lê Thị Bích	Huyền				5	10	1994	Hòa Bình 2, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Bảo hiểm		PHY00474		45.00	50.00	52.50		PHY00519
107	Ngô Xuân	Huỳnh				16	8	1994	Đồng Lộc, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp HCM	Tài chính ngân hàng		PHY00484		65.00	48.75	72.50		PHY00040
108	Nguyễn Thị Mỹ	Huỳnh				20	11	1976	Khu phố 1, P. Phú Lâm, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp	HCS như TB	PHY00485	30	55.00	MT	70.00		PHY01044
109	Đào Võ Mộng	Kha				15	12	1989	Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Mở TP HCM	Kế toán		PHY00488		52.50	55.00	65.00		PHY01016
110	Mai	Khanh				11	10	1991	Hòa Hiệp Bắc, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Công nghệ TP HCM	Quản trị kinh doanh		PHY00496		70.00	71.25	77.50		PHY01076
111	Dương Tấn	Khen	24	4	1993				Xã Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY00505		62.50	58.75	85.00		PHY00066
112	Đỗ Bách	Khiêm	1	1	1991				Phú Yên	Trường đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		PHY00506		VT	VT	VT		PHY00005
113	Đỗ Thị Tuyết	Khuông				29	11	1989	Bản Nhan Nam, Hòa Xuân Tây, Đông Hòa, Phú Yên	ĐH Quy Nhơn	Kế toán		PHY00510		VT	VT	VT		PHY00061

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
114	Lê Thị Hạ	Khuyên				9	5	1992	Bản Thạch, Hòa Xuân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Luật	Luật Tài chính ngân hàng chứng khoán		PHY00513		57.50	51.25	62.50		PHY01093
115	Nguyễn Văn	Kiên	17	12	1987				Thọ Lộc, Xuân Bình, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		PHY00516		62.50	51.25	72.50		PHY01019
116	Đặng Thị Nhật	Lai				29	1	1979	P2, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường ĐH Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại	Con NHCS như TB	PHY00524	20	VT	MT	VT		PHY0017
117	Lê Thị Hồng	Lai				2	2	1987	Uất Lâm, Hòa Hiệp Bắc, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00525		VT	VT	VT		PHY00199
118	Võ Thị Huyền	Lam				12	5	1990	Xã Long Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	ĐH Đà Lạt	Kế toán		PHY00531		65.00	37.50	72.50		PHY00546
119	Bùi Thị Mỹ	Lệ				25	12	1990	Thôn Phước Khánh, Xã Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		PHY00546		72.50	37.50	50.00		PHY03003
120	Huỳnh Thị	Lệ				2	6	1982	Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00548		40.00	41.25	70.00		PHY01021
121	Nguyễn Thị Nhật	Lệ				20	10	1991	Hòa Tân Đông, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00549		VT	VT	VT		PHY00129
122	Lâm Thị Kim	Liên				11	11	1994	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Luật	Kinh tế học		PHY00550		VT	VT	VT		PHY00196
123	Nguyễn Thị Hồng	Liên				8	4	1986	KP Vạn Phước, P. Xuân Thành, TX Sông Cầu, Phú Yên	ĐH Mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00553		VT	VT	VT		PHY00534
124	Lê Thị Mỹ	Liễu				21	10	1990	Phú Yên	Đại học Luật TP HCM	Luật Tổng hợp		PHY00561		67.50	38.75	55.00		PHY01126
125	Trần Thị Thanh	Liễu				29	7	1988	Định Thành, Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00565		VT	VT	VT		PHY00155
126	Đặng Thị Bảo	Linh				20	9	1993	Tỉnh Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00568		82.50	67.50	85.00		PHY00143
127	Huỳnh Lê Bảo	Linh	22	3	1993				Thôn Hội Cư, xã Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Tài chính công		PHY00576		67.50	61.25	85.00		PHY00545
128	Lê Thị Khánh	Linh				29	11	1993	Liên Trì 2, Phường 9, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Luật TP HCM	Luật		PHY00579		82.50	81.25	72.50		PHY01054
129	Mai Thị Mỹ	Linh				12	12	1992	Hòa Bình I, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Công Nghệ TP HCM	Kế toán doanh nghiệp		PHY00582		57.50	41.25	50.00		PHY01151
130	Nguyễn Nhật	Linh				2	10	1993	Nghệ An	ĐH Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính		PHY00586		VT	VT	VT		PHY00524
131	Nguyễn Nhật	Linh				1	1	1991	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Hùng Vương TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00585		75.00	53.75	45.00		PHY01102
132	Nguyễn Thị	Linh				20	8	1988	Tú Dương, Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00588		VT	VT	VT		PHY00181
133	Nguyễn Thị Diệu	Linh				15	8	1981	Hòa Vinh, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00589		65.00	32.50	50.00		PHY00194
134	Nguyễn Thị Huyền	Linh				15	8	1993	Xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY00590		55.00	55.00	75.00		PHY00064
135	Phan Thị Kim	Linh				1	2	1994	Thôn Mỹ Hòa, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00597		VT	VT	VT		PHY00109
136	Thái Thị	Linh				11	3	1992	Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00598		42.50	47.50	55.00		PHY00006
137	Trần Thị Kim	Linh				15	1	1994	KP Phước Lý, P. Xuân Yên, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Nông Lâm TP HCM	Kinh tế Tài nguyên môi trường		PHY00600		62.50	37.50	70.00		PHY01043
138	Đặng Thị Mai	Lĩnh				1	1	1980	Đông Phước, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00606		47.50	50.00	55.00		PHY00071
139	Nguyễn Thị	Loan				10	9	1991	Thôn Xuân Thạnh 2, xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nông Lâm, TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00609		90.00	61.25	70.00		PHY00026
140	Lê Thị Trúc	Ly				27	2	1992	Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Mở TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00630		VT	VT	VT		PHY01070
141	Lưu Vũ Hoàng	Ly				29	6	1986	Thôn Định Trung 1, An Định, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		PHY00631		67.50	33.75	70.00		PHY00107
142	Nguyễn Thị Trúc	Ly				27	3	1992	Phong Thái, An Lĩnh, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Quang Trung	Kế toán		PHY00633		VT	VT	VT		PHY00189

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
143	Lê Thị Tuyết	Mai				18	8	1985	Sơn Long, Sơn Hòa, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00647		50.00	37.50	30.00		PHY00126
144	Nguyễn Thị Thanh	Mai				24	10	1990	KP 3, Phường Phú Thạnh, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Ngân hàng TP HCM	Hệ thống thông tin kinh tế		PHY00649		VT	VT	VT		PHY01080
145	Tô Uyên	Mai				21	3	1990	TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	ĐH kinh tế Luật	Quản trị kinh doanh		PHY00650		37.50	68.75	70.00		PHY00004
146	Bùi Thị	Mận				11	10	1981	Xuân Thạnh 2, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính		PHY00652		40.00	36.25	55.00		PHY01045
147	Phạm Thị	Mìn				10	2	1990	Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00657		82.50	55.00	20.00		PHY00007
148	Nguyễn Tuấn	Minh	18	2	1985				Phú yên	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY00664		82.50	61.25	75.00		PHY01067
149	Nguyễn Ngọc Hà	My				12	9	1993	Ngân Sơn, Chí Thạnh, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Ngoại thương		PHY00672		55.00	57.50	50.00		PHY00079
150	Nguyễn Thị Diễm	My				19	11	1993	Thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, Tuy An, Phú Yên	Đại học Luật TP HCM	Luật Hình sự		PHY00673		70.00	47.50	57.50		PHY01117
151	Nguyễn Thị Trà	My				12	12	1991	Phú Diễm Ngoài, Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY00674		67.50	61.25	72.50		PHY01001
152	Nguyễn Thành	Nam	13	10	1993				TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Công Nghệ TP HCM	Quản trị tài chính - ngân hàng		PHY00685		85.00	48.75	67.50		PHY01130
153	Hồ Thị	Nga				27	10	1992	Khối 9, P Quỳnh Xuân, TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00688		VT	VT	VT		PHY00193
154	Trương Thị Tố	Nga				13	10	1991	Đồng Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY00698		82.50	66.25	72.50		PHY01131
155	Cao Thị Kim	Ngân				6	10	1991	Khu phố Long Thắng, Thị trấn La Hai, Đồng Xuân, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con TB	PHY00701	20	90.00	47.50	85.00		PHY01012
156	Đinh Thị Ngọc	Ngân				25	5	1991	Hòa Vinh, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học giao thông vận tải	Quản trị kinh doanh giao thông vận tải		PHY00705		65.00	52.50	77.50		PHY00031
157	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ngân				26	8	1988	Đồng Phước, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00712		60.00	42.50	65.00		PHY01031
158	Nguyễn Như Thủy	Ngân				29	7	1986	Phước Lương, Hòa Xuân Tây, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00713		35.00	40.00	50.00		PHY00097
159	Nguyễn Thị	Ngân				2	9	1992	Thôn Mậu Lâm Bắc, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế kế hoạch đầu tư		PHY00715		57.50	55.00	72.50		PHY01029
160	Nguyễn Thị Kim	Ngân				19	7	1990	Phước Lộc, Hòa Thành, Đồng Hòa, Phú Yên	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		PHY00717		VT	VT	VT		PHY01022
161	Trần Thị Kim	Ngân				12	12	1987	Tân Long, An Cư, Tuy An, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Ngoại thương		PHY00723		VT	VT	VT		PHY01077
162	Nguyễn Vũ Diễm	Ngâu				6	11	1988	Quang Ngan, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính		PHY00726		47.50	MT	60.00		PHY00132
163	Bùi Sinh	Nghi	21	5	1988				KP Phú Thứ, TT Phú Thứ, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00727		75.00	33.75	80.00		PHY01124
164	Trần Trọng	Nghĩa	25	5	1990				Xuân Phú, An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Kế toán		PHY00732		VT	VT	VT		PHY00140
165	Châu Thị Hồng	Ngọc				20	9	1990	Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Sài Gòn	Kế toán		PHY00736		85.00	55.00	75.00		PHY01159
166	Dư Thị Thanh	Ngọc				5	9	1992	Trung Lương 1, An Nghiệp, Tuy An, Phú Yên	ĐH Quy Nhơn	Đầu tư Tài chính		PHY00739		VT	VT	VT		PHY00521
167	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc				5	8	1991	Ấn Niên, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		PHY00748		57.50	41.25	57.50		PHY00175
168	Phạm Như	Ngọc				16	2	1992	Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	ĐH Quy Nhơn	Kế toán		PHY00751		45.00	50.00	62.50		PHY00529
169	Thái Tiểu	Ngọc				25	2	1994	TT Củng Sơn, Huyện Sơn Hòa, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Kế toán		PHY00753		57.50	43.75	70.00		PHY01028
170	Vũ Thị Bích	Ngọc				30	4	1994	Chi Lăng Bắc, Thanh Miện, Hải Dương	Đại học Quang Trung	Kế toán		PHY00759		VT	VT	VT		PHY01116
171	Lê Tấn	Nguyên	28	8	1982				KP Phương Lưu Đông, Xuân Đài, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị doanh nghiệp		PHY00766		52.50	32.50	72.50		PHY00192

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
172	Trần Thị Thảo	Nguyên				5	9	1992	Thôn Nguyên An, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		PHY00770		60.00	65.00	72.50		PHY00010
173	Võ Thị Xuân	Nguyên				4	9	1980	Khu phố 6, Phường Phú Đông, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00773		32.50	32.50	35.00		PHY00113
174	Dương Thị Bích	Nguyệt				23	2	1992	Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		PHY00775		47.50	30.00	47.50		PHY01099
175	Lê Thị Bích	Nguyệt				10	1	1993	Cảnh Phước, Hòa Tân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		PHY00776		VT	VT	VT		PHY01010
176	Huỳnh Thanh	Nhã				31	3	1988	Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		PHY00784		VT	VT	VT		PHY01149
177	Phan Thị	Nhàn				7	9	1989	Xuân Thạnh 2, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY00787		67.50	53.75	70.00		PHY01086
178	Nguyễn Thị Hồng	Nhân				1	12	1989	P9, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY00790		VT	VT	VT		PHY00062
179	Lưu Thị	Nhanh				6	11	1990	KP2, Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Sài Gòn	Kế toán		PHY00793		VT	VT	VT		PHY01109
180	Nguyễn Hữu	Nhất	23	2	1992				TT Hòa Vinh, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Toán Tài chính		PHY00794		72.50	61.25	77.50		PHY01072
181	Nguyễn Thị Như	Nhật				19	7	1989	KP Phước Mỹ, TT Phú Thử, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00797		47.50	57.50	62.50		PHY01106
182	Đinh Thị Tiểu Tuyết	Nhi				25	9	1990	Thôn Trung Lương 2, xã An Nghiệp, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00809		52.50	36.25	52.50		PHY00161
183	Dương Thị	Nhi				10	2	1990	Tuy Phước, Đức Bình Tây, Sông Hinh, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00799		VT	VT	VT		PHY01148
184	Dương Thị Yến	Nhi				2	11	1994	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Học Viện Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp		PHY00800		65.00	37.50	60.00		PHY03007
185	Lê Thị Xuân	Nhi				12	6	1992	Hội Cư, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán kiểm toán		PHY00803		50.00	35.00	57.50		PHY00086
186	Ngô Thị Tuyết	Nhi				29	9	1990	P3, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học kỹ thuật công nghệ TP Hồ Chí Minh	Quản trị ngoại thương		PHY00804		42.50	68.75	52.50		PHY00138
187	Trương Thảo	Nhi				2	4	1991	KP Long Phước Đông, P Xuân Phú, TX Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh tế Thẩm định giá		PHY00811		75.00	68.75	82.50		PHY00190
188	Phan Thị	Nho				17	2	1989	Mỹ Thạnh Tây, Hòa Phong, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Nha Trang	Kế toán		PHY00816		50.00	41.25	65.00		PHY00518
189	Nguyễn Cao	Như	15	5	1991				Xuân Thạnh 1, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Luật Kinh tế		PHY00819		42.50	48.75	55.00		PHY01150
190	Phan Thị Quỳnh	Như				13	4	1994	KP Phước Thịnh, TT Phú Thử, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY00821		VT	VT	VT		PHY01127
191	Phan Trâm	Như				15	10	1989	Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Luật	Luật Dân sự		PHY00822		75.00	68.75	65.00		PHY01053
192	Phan Tú	Như				28	8	1994	Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY00823		67.50	71.25	80.00		PHY01081
193	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				20	4	1993	Thôn Thanh Phú Đông, xã Hòa Mỹ tây, Tây Hòa, Phú Yên	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Quản trị Marketing		PHY00835		70.00	65.00	82.50		PHY00072
194	Nguyễn Thị Thúy	Nhung				9	4	1992	Quy Nhơn, Bình Định	Trường đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		PHY00837		VT	VT	VT		PHY00195
195	Trần Thị Tuyết	Nhung				20	10	1993	Lương Phước, Hòa Phú, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP HCM	Kế toán		PHY00841		70.00	51.25	87.50		PHY01066
196	Huỳnh Xuân	Ni				15	12	1994	TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Tài chính kế toán		PHY00846		32.50	27.50	57.50		PHY00168
197	Hồ Hạnh	Niệm				18	10	1993	P6, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Mở TP HCM	Tài chính		PHY00847		80.00	50.00	72.50		PHY01129
198	Lê Thị Mai	Nữ				11	6	1990	Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Mở TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY00850		40.00	68.75	67.50		PHY01024
199	Võ Hoàng	Nữ				1	8	1994	Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Luật TP Hồ Chí Minh	Luật kinh tế		PHY00852		55.00	67.50	72.50		PHY00057
200	Đinh Thị Ngọc	Oanh				20	3	1991	Suối Tân, Diên Khánh, Khánh Hòa	ĐH Tôn Đức Thắng	Quản trị Kinh doanh Quốc tế		PHY00854		VT	VT	VT		PHY00525
201	Lê Thị Minh	Oanh				16	9	1985	Đông Xuân, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00856		VT	VT	VT		PHY00134
202	Nguyễn Ngọc Phương	Oanh				21	10	1988	Nha Trang, Khánh Hòa	ĐH Kinh tế TP HCM	Ngân hàng		PHY00857		VT	VT	VT		PHY00537

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
203	Trần Bích	Phi				26	8	1988	Phường Xuân Phú, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Luật	Luật Kinh doanh		PHY00867		85.00	63.75	80.00		PHY01134
204	Đoàn Huỳnh Ngọc	Phú	11	10	1990				Hòa Mỹ Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật hình sự		PHY00872		VT	VT	VT		PHY00111
205	Trần Hưng	Phú	4	4	1989				TT La Hai, Huyện Đồng Xuân, Phú Yên	ĐH Bình Dương	Quản trị Kinh doanh		PHY00874		45.00	35.00	40.00		PHY0051
206	Trần Thị Hoàng	Phú				14	12	1980	Thôn Mỹ Lệ Tây, TT Phú Thứ, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Thủy sản	Quản trị Kinh doanh		PHY00875		VT	VT	VT		PHY00523
207	Trần Thị Minh	Phụng				20	9	1993	Phường 2, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Tài Chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		PHY00880		97.50	77.50	75.00		PHY00017
208	Lê Hoàng Linh	Phượng				8	8	1993	An Dân, Tuy An, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		PHY00889		57.50	45.00	72.50		PHY01113
209	Nguyễn Thị Bích	Phượng				6	8	1991	Thôn 2, xã Xuân Hải, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00906		77.50	57.50	67.50		PHY00033
210	Nguyễn Thị Bích	Phượng				10	6	1989	Phước Lộc, Hòa Thành, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nông Lâm, TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00905		42.50	37.50	65.00		PHY00180
211	Nguyễn Thị Oanh	Phượng				17	4	1988	KP Long Châu, TT La Hai, Đồng Xuân, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Chính sách công		PHY00908		VT	VT	VT		PHY01079
212	Nguyễn Uyên	Phượng				27	4	1990	Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nông Lâm, TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY00913		VT	VT	VT		PHY00123
213	Nguyễn Thị Hồng	Phượng				1	3	1992	Vụ Bản, Nam Định	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY00927		55.00	56.25	67.50		PHY00070
214	Nguyễn Thị Yến	Phượng				25	7	1991	Phong Niên, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	ĐH Nha Trang	Kế toán		PHY00929		50.00	47.50	55.00		PHY00522
215	Đình Văn	Quang	13	10	1985				An Nghiệp, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		PHY00934		VT	VT	VT		PHY00160
216	Trần Hồng	Quang				18	1	1990	Hòa Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Trường đại học Quang Trung	Kinh Tế đầu tư	Con NHCS như TB	PHY00937	20	VT	VT	VT		PHY00115
217	Nguyễn Thị Kim	Quý				17	10	1991	Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00940		VT	VT	VT		PHY01039
218	Trương Công	Quý	10	8	1992				Hòa Đa,An Mỹ, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật dân sự		PHY00942		70.00	52.50	62.50		PHY00047
219	Nguyễn Thị Ái	Quyên				13	11	1987	Sơn Xuân, Sơn Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		PHY00955		57.50	30.00	40.00		PHY00125
220	Phạm Thị Thúy	Quyên				15	5	1990	Thôn Hòa Lợi, xã Xuân Cảnh, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY00959		77.50	45.00	70.00		PHY00041
221	Võ Thị Lệ	Quyên				30	9	1992	Thôn Đồng Lộc, Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00962		57.50	63.75	85.00		PHY00173
222	Lê Trần Công	Quyên	28	2	1990				Thôn Phước Mỹ, Xã Hòa Bình I, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY00963		97.50	67.50	77.50		PHY01097
223	Lưu Trần Diễm	Quỳnh				18	9	1991	Thôn Đồng Lộc, Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		PHY00966		57.50	51.25	60.00		PHY01005
224	Nguyễn Phương	Quỳnh				12	8	1988	Bản Thạch, Hòa Xuân Đông, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00968		VT	VT	VT		PHY00063
225	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh				26	7	1993	Hội Cư, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nông Lâm, TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY00970		77.50	61.25	80.00		PHY00019
226	Ngô Thị Thu	Sang				15	8	1988	Phước Mỹ, Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY00975		55.00	51.25	47.50		PHY01152
227	Nguyễn Tiến	Sĩ	16	3	1976				Phước Khánh, Hòa trị, Phú Hòa, Phú Yên	ĐH Quy Nhơn	Kế toán		PHY00982		42.50	47.50	50.00		PHY00083
228	Nguyễn Thị Út	Soa				22	9	1994	Phước Bình, Hòa Thành, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học Tài Chính kế toán	Ngân hàng		PHY00986		VT	VT	VT		PHY00048
229	Hồ Viết	Sơn	4	5	1982				Phước Bình Bắc, Hòa Thành, Đồng Hòa, Phú Yên	Học viện ngân hàng	Tài chính ngân hàng		PHY00987		42.50	32.50	57.50		PHY00043
230	Nguyễn Minh	Sơn	3	12	1993				TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY00992		72.50	60.00	75.00		PHY01071
231	Lê Thị Ngọc	Sương				25	3	1991	Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		PHY00998		75.00	50.00	72.50		PHY01092
232	Nguyễn Trần Tuyết	Sương				2	7	1987	Phú Nông, Xã Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY00999		32.50	28.75	60.00		PHY00166

nghe

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
233	Phan Thanh	Tâm				29	9	1982	Mỹ Phú 2, An Hiệp, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY01007		VT	VT	VT		PHY00169
234	Nguyễn Ngọc	Tây	24	12	1981				Thôn Phú Tân, xã An Cư, Tuy An, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán		PHY01018		42.50	32.50	62.50		PHY01156
235	Phan Thanh	Thái	22	6	1994				Hòa Đồng, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh tế kế hoạch và đầu tư		PHY01022		VT	VT	VT		PHY00009
236	Nguyễn Thị Đình	Thắm				8	8	1992	KP Long Bình, TT La Hai, Đồng Xuân, Phú Yên	Học viện Hàng không Việt Nam	Quản trị doanh nghiệp HK		PHY01025		47.50	61.25	62.50		PHY00517
237	Nguyễn Chí	Thanh	30	10	1989				Long Phước, xã Xuân Lâm, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		PHY01034		47.50	32.50	50.00		PHY01140
238	Nguyễn Thị Kim	Thanh				1	6	1991	Đội 6, thôn Quí Hậu, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp		PHY01035		92.50	57.50	72.50		PHY01075
239	Phạm Thị Kim	Thanh				18	8	1993	Phước Nhuận, Xuân Quang 3, Đồng Xuân, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và quản lý thuế		PHY01038		VT	VT	VT		PHY01051
240	Trần Thị Phương	Thanh				16	6	1992	KP Phước Lý, P. Xuân Yên, TX Sông Cầu, Phú Yên	Đại học Thái Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		PHY01040		VT	VT	VT		PHY01110
241	Phạm Thị	Thành				3	3	1992	Đại Phú, Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		PHY01052		32.50	51.25	62.50		PHY01121
242	Lê Vũ Hoàng	Thao	21	2	1992				Thôn Cảnh Phước, Hòa Tân Đông, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính công		PHY01053		VT	VT	VT		PHY00051
243	Công Thị Mai	Thảo				30	12	1995	Hòa Xuân Tây, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính		PHY01055		67.50	76.25	77.50		PHY03002
244	Đặng Bích	Thảo				16	10	1994	Xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp		PHY01056		40.00	72.50	70.00		PHY01056
245	Đỗ Thị Thu	Thảo				18	10	1991	TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		PHY01059		47.50	46.25	60.00		PHY00024
246	Nguyễn Lý Mai	Thảo				26	8	1994	An Hải, huyện Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Luật	Kinh tế		PHY01069		85.00	76.25	65.00		PHY00013
247	Nguyễn Mai	Thảo				25	4	1990	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY01070		VT	VT	VT		PHY00159
248	Nguyễn Thị Diệu	Thảo				14	11	1988	TT Chí Thạnh, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngoại thương		PHY01077		57.50	77.50	42.50		PHY00099
249	Nguyễn Thị Hoàng	Thảo				25	7	1991	Thôn Phú Lương, Hòa Tân Đông, huyện Đồng Hòa, tỉnh Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng quốc tế		PHY01078		65.00	61.25	77.50		PHY00016
250	Nguyễn Thị Thu	Thảo				22	11	1991	An Thạch, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY01086		40.00	42.50	65.00		PHY00133
251	Phan Thị Thu	Thảo				21	9	1994	Phú Hòa, Hòa Hiệp Trung, Đồng Hòa, Phú Yên	Đại học Luật TP HCM	Luật Quốc tế		PHY01088		VT	VT	VT		PHY01055
252	Phan Thị Thu	Thảo				6	3	1994	Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		PHY01089		55.00	50.00	75.00		PHY01125
253	Tô Phương	Thảo				22	7	1995	Thị xã Sông Cầu, Phú Yên	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính		PHY01090		47.50	57.50	75.00		PHY03008
254	Trần Thị Phương	Thảo				20	5	1994	Xã Hòa Phong, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		PHY01093		57.50	46.25	75.00		PHY01115
255	Trần Thu	Thảo				25	6	1995	TP Tuy Hòa, Phú Yên	Trường Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính Doanh nghiệp		PHY01095		72.50	58.75	85.00		PHY03001
256	Nguyễn Thị Mai	Thị				20	8	1990	An Dân, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Luật	Kinh Tế đối ngoại		PHY01101		VT	VT	VT		PHY00089
257	Nguyễn Cao	Thiên	2	10	1992				Xuân Thạnh 1, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nông Lâm, TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh thương mại		PHY01103		57.50	82.50	75.00		PHY00035
258	Võ Phú	Thịnh	19	2	1992				Phú Tân, An Cư, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Duy Tân	Ngân hàng		PHY01109		VT	VT	VT		PHY00185
259	Lê Hoàn Thị	Thơ				21	8	1987	Bản Nham Nam, Hòa Xuân Tây, Đồng Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01110		57.50	45.00	70.00		PHY00075

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
260	Nguyễn Thị Anh	Thơ				1	5	1990	Thôn Phụng Tường II, Xã Hòa Trị, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01111		VT	VT	VT		PHY01018
261	Trần Thị Kim	Thơ				4	8	1992	Thôn Uất Lâm, xã Hòa Hiệp Bắc, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Giao thông vận tải Cơ sở II	Kế toán tổng hợp		PHY01112		55.00	53.75	67.50		PHY01143
262	Nguyễn Thị Kim	Thoa				2	12	1993	Hòa Xuân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Luật TP HCM	Luật Dân sự	Con TB	PHY01118	20	50.00	65.00	77.50		PHY01073
263	Phạm Thị	Thoa				30	8	1988	Ấn Niên, Hòa An, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Thương Mại	Quản trị kinh doanh		PHY01120		35.00	40.00	50.00		PHY00020
264	Trần Thị Kim	Thoa				17	10	1988	Hòa Mỹ Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Tôn Đức Thắng	Ngân hàng		PHY01122		VT	VT	VT		PHY01107
265	Nguyễn Thị	Thoan				10	5	1993	Thôn Hội Cự, Xã Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		PHY01124		75.00	52.50	62.50		PHY01154
266	Ngô Văn	Thống				22	10	1989	Thọ Lộc, Xuân Lộc, TX Sông Cầu, Phú Yên	ĐH Quy Nhơn	Kế toán		PHY01129		47.50	60.00	67.50		PHY00104
267	Cao Thị	Thu				24	9	1989	Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01130		55.00	32.50	55.00		PHY01091
268	Lê Thị	Thu				19	1	1991	P. Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, Bình Định	Đại học Quang Trung	Kế toán		PHY01132		85.00	60.00	67.50		PHY01082
269	Nguyễn Huỳnh Ái	Thu				27	11	1989	Xã Bình Ngọc, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		PHY01135		35.00	MT	65.00		PHY00085
270	Nguyễn Thị Lệ	Thu				16	7	1991	Vùng 1, An Xuân, Tuy An, Phú Yên	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		PHY01139		60.00	45.00	75.00		PHY00167
271	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Thư				1	1	1992	Phước Lộc 1, Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Hùng Vương TP HCM	Kinh doanh quốc tế		PHY01145		VT	VT	VT		PHY01155
272	Huỳnh Thị Minh	Thư				9	4	1988	Phường Phú Lâm, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kinh Tế đầu tư		PHY01146		VT	VT	VT		PHY00187
273	Lê Thị Minh	Thư				20	3	1988	Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY01148		60.00	45.00	67.50		PHY00118
274	Võ Thị Anh	Thư				1	4	1991	Phú Nông, Hòa Bình I, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		PHY01159		80.00	61.25	75.00		PHY01133
275	Huỳnh Việt	Thuần	6	1	1985				KP Phước Hậu 3, Phường 9, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY01161		50.00	38.75	57.50		PHY00053
276	Phạm Thị Kim	Thực				1	8	1989	Mỹ Quang Bắc, An Chấn, Tuy An, Phú Yên	Đại học Kỹ thuật công nghệ TP HCM	Quản trị tài chính & đầu tư chứng khoán		PHY01163		50.00	50.00	47.50		PHY01041
277	Đỗ Thị Hoài	Thương				20	1	1994	An Mỹ, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY01166		90.00	61.25	80.00		PHY00021
278	Trần Thị Lệ	Thương				7	10	1990	Xã EaKuăng, Huyện Krông Pắc, Tỉnh ĐắkLắk	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		PHY01174		VT	VT	VT		PHY01011
279	Lương Thị Kim	Thuy				7	1	1992	TT Hòa Vinh, H. Đông Hòa, Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính công		PHY01176		82.50	56.25	75.00		PHY01049
280	Bùi Thị	Thúy				2	6	1991	xã Hòa Quang Nam, Huyện Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		PHY01177		95.00	72.50	85.00		PHY00045
281	Cao Thị Thanh	Thúy				28	1	1989	Quảng Thành, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY01178		VT	VT	VT		PHY00533
282	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy				10	7	1991	Tân Hòa, Xuân Sơn Nam, Đông Xuân, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01181		52.50	40.00	45.00		PHY01108
283	Trần Thị Kim	Thúy				23	8	1988	Khu phố Long Hải Nam, Phường Xuân Phú, TX Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY01185		VT	VT	VT		PHY01008
284	Trần Thị Thu	Thúy				13	10	1983	TT La Hai, Đông Xuân, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01186		65.00	26.25	57.50		PHY01147
285	Trần Thanh	Thùy				7	12	1992	Xã An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		PHY01194		80.00	51.25	52.50		PHY01111
286	Huỳnh Thị Thanh	Thùy				20	9	1993	Phú Hòa, Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính		PHY01204		60.00	71.25	77.50		PHY01004
287	Lê Thị Hồng	Thùy				24	6	1985	Đội 3, Mỹ Hòa, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY01206		87.50	48.75	77.50		PHY00163
288	Ngô Thị Thanh	Thùy				2	10	1992	An Mỹ, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Đà Lạt	Luật		PHY01211		37.50	36.25	47.50		PHY00042

ngt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
289	Nguyễn Thị Như	Thủy				8	1	1989	Phước Yên, Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường đại học công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY01215		57.50	56.25	70.00		PHY00054
290	Trần Thị Thu	Thủy				10	9	1992	Khu phố Ninh Tịnh 2, Phường 9, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY01224		55.00	72.50	80.00		PHY01002
291	Lê Thị Thủy	Tiên				8	3	1989	Hòa Bình 2 huyện Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		PHY01226		85.00	55.00	70.00		PHY00145
292	Nguyễn Trọng	Tiến	3	12	1992				Xã Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính		PHY01235		VT	VT	VT		PHY01136
293	Nguyễn Ngọc	Tín	29	3	1993				An Hiệp, Tuy An, Phú Yên	ĐH Mở TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY01240		VT	VT	VT		PHY00506
294	Nguyễn Văn	Tín	1	12	1987				Phù Mỹ, Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Huế	Luật		PHY01241		27.50	32.50	52.50		PHY00156
295	Nguyễn Thị Trương	Tính				19	6	1989	Hòa Xuân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01242		50.00	55.00	45.00		PHY00177
296	Nguyễn Thị Y	Toán				18	12	1990	Chánh Nam, Xuân Thọ 1, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY01246		60.00	46.25	65.00		PHY00141
297	Bế Thanh	Trà				26	1	1989	Cao Bằng	Đại học Tài chính - marketing	Quản trị kinh doanh	DTTS	PHY01252	20	60.00	42.50	60.00		PHY00038
298	Nguyễn Thị Hương	Trà				18	2	1991	KP Long Hải, P. Xuân Phú, TX Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Ngân hàng		PHY01254		85.00	67.50	80.00		PHY01042
299	Huỳnh Ngọc	Trám				18	5	1994	Thôn Phước Mỹ, Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Sài Gòn	Tài chính		PHY01259		60.00	57.50	67.50		PHY00149
300	Huỳnh Thái Ngọc	Trám				7	2	1992	Hòa Hiệp Nam, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Luật kinh tế		PHY01260		VT	VT	VT		PHY00154
301	Lê Bích	Trám				30	10	1994	Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghệ TP Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính		PHY01263		52.50	36.25	62.50		PHY00023
302	Trần Thị Bảo	Trám				2	11	1993	Xã Sơn Thành Đông, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		PHY01271		40.00	28.75	32.50		PHY01030
303	Lương Thị Thục	Trần				20	4	1990	Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán doanh nghiệp		PHY01275		65.00	32.50	57.50		PHY01144
304	Lý Bảo Huyền	Trần				6	10	1993	Phường 1, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Văn Lang	Kế toán		PHY01276		VT	VT	VT		PHY00046
305	Đặng Thị Kim	Trang				14	8	1986	Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01280		50.00	22.50	35.00		PHY00098
306	Đặng Thị Thu	Trang				4	3	1992	Thôn An Sơn, Phước An, Tuy Phước, Bình Định	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY01282		42.50	32.50	47.50		PHY00059
307	Huỳnh Thị Diễm	Trang				13	4	1988	An Chấn, Tuy An, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01292		32.50	32.50	MT		PHY01094
308	Nguyễn Ngọc Kiều	Trang				1	11	1991	Phường Phú Thạnh, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Tài chính ngân hàng		PHY01299		VT	VT	VT		PHY00178
309	Nguyễn Thị Kim	Trang				9	8	1993	Xã Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Luật kinh doanh		PHY01307		60.00	66.25	60.00		PHY01063
310	Nguyễn Thị Thanh	Trang				8	6	1992	Xuân Phước, Đồng Xuân, Phú Yên	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		PHY01308		65.00	48.75	77.50		PHY01104
311	Nguyễn Thị Thu	Trang				16	12	1990	Vùng 3, Thôn Phước Lộc 1, xã Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01309		50.00	37.50	62.50		PHY01101
312	Phạm Huyền	Trang				22	12	1994	An Dân, Tuy An, Phú Yên	ĐH Kinh tế - Tài chính TP HCM	Tài chính- Ngân hàng		PHY01316		VT	VT	VT		PHY00542
313	Tổng Thị Thanh	Trang				20	12	1993	TT Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hòa	Trường đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật học		PHY01323		87.50	78.75	65.00		PHY00018
314	Trần Ngô Huyền	Trang				23	7	1988	Hòa Bình 2, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		PHY01324		47.50	45.00	72.50		PHY00056
315	Trần Thảo	Trang				31	8	1991	Hòa Xuân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		PHY01326		92.50	58.75	70.00		PHY01096
316	Trần Thị Minh	Trang				26	2	1986	Hòa Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		PHY01329		47.50	35.00	65.00		PHY00096
317	Võ Thị Mỹ	Trang				4	10	1985	Thôn Uất Lâm, xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Quản trị kinh doanh		PHY01337		67.50	53.75	72.50		PHY01061

ngb

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
318	Nguyễn Kim	Trí	9	6	1988				Phú Hòa, Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01341		60.00	30.00	72.50		PHY01145
319	Cao Thị Xuân	Triều				18	12	1986	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	ĐH Nha Trang	Kế toán		PHY01343		32.50	28.75	25.00		PHY00526
320	Huỳnh Thị Bích	Triều				16	3	1993	Thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính ngân hàng		PHY01344		45.00	48.75	62.50		PHY00088
321	Đặng Thị Ngọc	Trình				22	1	1993	Khu phố Mỹ Lệ Đông, TT Phú Thứ, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		PHY01346		52.50	45.00	62.50		PHY00110
322	Nguyễn Thị Châu	Trình				6	11	1991	Long Phước, Xuân Lâm, Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học kinh tế Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY01350		87.50	70.00	77.50		PHY00011
323	Nguyễn Thị Đoàn	Trình				28	12	1986	Nha Trang, Khánh Hòa	Trường đại học Lạc Hồng	Kế toán		PHY01351		70.00	53.75	72.50		PHY00030
324	Nguyễn Thị Lệ	Trình				7	1	1992	Thôn Xuân Thành, xã An Xuân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp		PHY01352		62.50	38.75	57.50		PHY01052
325	Nguyễn Thị Mai	Trình				7	6	1993	Mỹ Quang Bắc, An Chấn, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính		PHY01353		80.00	70.00	80.00		PHY00037
326	Phan Thị	Trình				25	2	1982	Thôn Phước Lương, xã An Cư, Tuy An, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY01357		35.00	33.75	52.50		PHY01103
327	Đỗ Thị Thu	Trúc				25	10	1987	KP5, thị trấn Hòa Vinh, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01365		60.00	35.00	72.50		PHY00044
328	Huỳnh Trần Thanh	Trúc				4	10	1994	Hòa Hiệp Nam, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Ngoại Thương HCM	Kinh tế đối ngoại		PHY01366		VT	VT	VT		PHY01119
329	Lê Thị Thanh	Trúc				18	6	1990	Phú Thứ, Hòa Bình 2, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Bình Dương	Quản trị ngoại thương		PHY01369		27.50	48.75	57.50		PHY01087
330	Nguyễn Thanh	Trúc				1	9	1994	An Dân, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		PHY01370		VT	VT	VT		PHY00174
331	Phạm Thị Hiền	Trúc				20	3	1991	Phú Phong, Hòa Đông, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM	Kế toán		PHY01373		90.00	60.00	25.00		PHY01123
332	Nguyễn Văn	Trung	19	7	1991				Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		PHY01379		VT	VT	VT		PHY00179
333	Phạm Ngọc	Trung	28	6	1988				Tân Long, Đồng Xuân, Phú Yên	ĐH Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Quản trị Kinh doanh		PHY01380		50.00	68.75	75.00		PHY00516
334	Phạm Văn	Trung	24	8	1989				Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Trường đại học Dân Lập Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY01381		50.00	51.25	77.50		PHY00150
335	Huỳnh Văn	Trường	9	12	1992				Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Hùng Vương TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY01383		62.50	78.75	77.50		PHY01138
336	Huỳnh Thị Kim	Truyền				1	7	1989	Diên Điền, Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học kinh tế - Luật TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		PHY01386		57.50	68.75	60.00		PHY00130
337	Nguyễn Thị Thanh	Tú				7	2	1993	Hòa Tân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Học viện Ngân hàng	Tài chính- Ngân hàng		PHY01394		65.00	50.00	75.00		PHY00515
338	Phan Thị	Tứ				17	8	1985	Thôn Vinh Ba, xã Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY01396		VT	VT	VT		PHY00520
339	Lương Minh	Tuấn	10	8	1990				Phú Thanh, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		PHY01402		42.50	71.25	70.00		PHY00002
340	Lê Sỹ	Túc	1	1	1993				Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật thương mại		PHY01409		92.50	83.75	77.50		PHY00003
341	Huỳnh Thanh	Tùng	5	2	1989				Thôn 1, xã Hòa Vinh, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Dân lập Văn Lang	Quản trị kinh doanh		PHY01411		82.50	62.50	62.50		PHY01100
342	Trần Thị Châu	Tùng				2	10	1993	Phường Xuân Yên, TX Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Đại học Tài chính - Marketing	Ngân hàng		PHY01413		VT	VT	VT		PHY01007
343	Lê Thị Kim	Tuyền				15	11	1991	Phú Yên	Đại học Hùng Vương TP HCM	Kế toán		PHY01419		62.50	55.00	70.00		PHY01122
344	Bùi Mộng	Tuyền				17	10	1991	TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	ĐH Khoa học xã hội nhân văn TP Hồ Chí Minh	Kinh tế quốc tế		PHY01421		52.50	80.00	65.00		PHY00102
345	Nguyễn Lê Băng	Tuyền				12	9	1992	Hòa Bình 2, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Tài chính ngân hàng		PHY01425		57.50	60.00	62.50		PHY00186
346	Nguyễn Sơn	Tuyền				8	12	1991	Lộc Đông, Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán ngân hàng		PHY01426		VT	VT	VT		PHY00077

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
347	Nguyễn Thị Kim	Tuyền				7	2	1988	Hòa Tân Đông, Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		PHY01428		75.00	55.00	80.00		PHY01098
348	Nguyễn Thị Minh	Tuyền				9	6	1991	P9, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán kiểm toán		PHY01430		VT	VT	VT		PHY00164
349	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền				6	10	1994	Thôn Phong Niên, Xã Hòa Thắng, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Công nghiệp TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		PHY01433		72.50	65.00	70.00		PHY01014
350	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền				20	3	1993	Bình Chính, An Dân, Tuy An, Phú Yên	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		PHY01432		VT	VT	VT		PHY00182
351	Lê Thị Ánh	Tuyết				21	8	1993	Phú yên	Đại học Luật TP HCM	Luật thương mại		PHY01438		65.00	66.25	70.00		PHY01074
352	Phan Thị Hồng	Tuyết				1	12	1992	Thôn Nhiều Hậu, Xã Xuân Thọ I, TX Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY01441		50.00	37.50	45.00		PHY01015
353	Võ Thị Ánh	Tuyết				20	10	1988	Đội 4, Thôn Phước Khánh, Xã Hòa Trị, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01443		77.50	51.25	65.00		PHY01069
354	Hồ Thị Kim	Uyên				7	8	1985	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán		PHY01447		VT	VT	VT		PHY00117
355	Huỳnh Thị Tố	Uyên				18	12	1991	Phú Yên	Đại học kinh tế TP HCM	Ngoại thương		PHY01449		VT	VT	VT		PHY01068
356	Lê Diệu Bích	Uyên				15	6	1989	Khu phố Đông Hòa, TT Củng Sơn, SƠn Hòa, Phú Yên	Đại học quốc tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		PHY01451		47.50	43.75	47.50		PHY00074
357	Mai Thị Bảo	Uyên				7	2	1990	Vạn Bình, Vạn Ninh, Khánh Hòa	Trường đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán kiểm toán		PHY01453		70.00	62.50	65.00		PHY00001
358	Phạm Hoàng	Uyên				20	11	1983	Tuy An, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY01460		VT	VT	VT		PHY00065
359	Trần Thị Lưu	Uyên				22	8	1973	Thôn QUY Hậu, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		PHY01462		62.50	43.75	55.00		PHY00028
360	Phạm Thị Hồng	Vân				15	7	1980	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	ĐH Nha Trang	Kế toán		PHY01476		VT	VT	VT		PHY00507
361	Trương Thị Mỹ	Vân				10	9	1982	Thôn Đại Phú, Xã Hòa Quang Nam, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		PHY01480		65.00	37.50	52.50		PHY01035
362	Lê Thi	Vân				22	8	1988	Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		PHY01485		VT	VT	VT		PHY00158
363	Trần Lê Nhất	Vân				19	1	1994	TT Phú Thứ, Huyện Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Mở TP HCM	Quản trị kinh doanh		PHY01486		67.50	45.00	60.00		PHY01036
364	Ngô Thị Phương	Ví				24	12	1992	Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	ĐH Kinh tế TP HCM	Kế toán		PHY01490		65.00	55.00	70.00		PHY00527
365	Nguyễn Thục	Ví				9	9	1992	Xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		PHY01491		VT	VT	VT		PHY01009
366	Bùi Thị Kim	Viên				20	8	1986	Mỹ Thạnh Trung 1, Hòa Phong, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán kiểm toán		PHY01493		VT	VT	VT		PHY00116
367	Nguyễn Thị Kim	Viên				1	2	1987	Xã Xuân Bình, TX Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Học viện Ngân hàng	Tài chính- Ngân hàng		PHY01495		VT	VT	VT		PHY00505
368	Phạm Lê	Viễn	17	8	1986				Xã Hòa Định Đông, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Lạc Hồng	Kế toán		PHY01496		VT	VT	VT		PHY00176
369	Lưu Thị Kim	Việt				25	4	1987	KP Phước Lý, Phường Xuân Yên, TX Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Học viện ngân hàng - Phân viện Phú Yên	Tài chính ngân hàng		PHY01500		55.00	37.50	65.00		PHY00027
370	Nguyễn Thị	Việt				22	6	1987	Phú Nhiêu, Hòa Mỹ Đông, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Dân Lập Văn Lang	Quản trị kinh doanh	Con NHCS như TB	PHY01503	20	57.50	31.25	52.50		PHY00146
371	Phạm Ngọc	Việt	2	2	1977				Xuân Sơn Nam, Đồng Xuân, Phú Yên	Trường đại học Huế	Quản trị kinh doanh		PHY01505		52.50	33.75	42.50		PHY00142
372	Phan Trung	Vinh	20	12	1987				Mỹ Xuân, Hòa Thịnh, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Kế toán	Con NHCS như TB	PHY01513	20	VT	VT	VT		PHY00139
373	Bùi Văn	Vĩnh	16	7	1992				Đông Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		PHY01516		62.50	45.00	80.00		PHY01090
374	Võ Thị Y	Vũ				7	7	1990	Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		PHY01523		57.50	51.25	57.50		PHY01037
375	Đinh Thị Hồng	Vy				8	2	1992	Xuân Phước, Đồng Xuân, Phú Yên	Học Viện Ngân Hàng	Ngân hàng Thương mại		PHY01527		VT	VT	VT		PHY03009

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
376	Dương Thị Thảo	Vy				22	12	1994	Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam	ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán- Kiểm toán		PHY01528		VT	VT	VT		PHY00536
377	Trần Thị Tuyết	Vy				2	4	1993	Thôn Tường Quang, xã Hòa Kiến, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		PHY01537		VT	VT	VT		PHY01089
378	Đoàn Thị Ly	Xa				20	4	1992	Hòa Đồng, Tây Hòa, Phú Yên	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính		PHY01540		52.50	35.00	70.00		PHY01023
379	Nguyễn Thị Kim	Xinh				20	12	1987	Hòa Thành, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY01543		25.00	37.50	67.50		PHY00014
380	Ngô Thị	Xuân				18	4	1991	Phước Mỹ, Hòa Thành, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		PHY01548		VT	VT	VT		PHY00152
381	Nguyễn Thị Như	Ý				26	12	1985	Phú Lộc, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp		PHY01554		VT	VT	VT		PHY01139
382	Nguyễn Phú	Yên				30	3	1989	Khu phố Phú Hiệp 3, thị trấn Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		PHY01558		VT	VT	VT		PHY00081
383	Nguyễn Thị Minh	Yên				12	10	1994	Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		PHY01560		40.00	41.25	52.50		PHY01059
384	Huỳnh Thị Kim	Yến				30	10	1994	Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	ĐH giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh	Kế toán		PHY01566		47.50	50.00	67.50		PHY00094
385	Nguyễn Thị Kim	Yến				23	2	1990	P4, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		PHY01574		VT	VT	VT		PHY00103
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Lê Kim	Chung	24	11	1989				Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học sư phạm kỹ thuật TP HCM	Công nghệ kỹ thuật máy tính		PHY01583		VT	VT			PHY00157
2	Cao Văn	Cường	26	3	1991				Xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trường đại học Bách Khoa, đại học Đà Nẵng	Công nghệ thông tin		PHY01584		VT	VT			PHY00015
3	Đặng Thị Thanh	Đạm				5	9	1989	Thôn Qúi Hậu, Hòa Trị, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Công nghệ thông tin		PHY01585		30.00	33.75			PHY00084
4	Nguyễn Thị	Diên				18	3	1987	Hòa Sơn, Hòa Xuân Nam, Đông Hòa, Phú Yên	ĐH Quy Nhơn	Tin học		PHY01588		VT	VT			PHY00539
5	Huỳnh Anh	Dũng	18	9	1988				Xã Hòa Kiến, TP Tuy Hòa, Phú Yên	ĐH Bách Khoa TP HCM	Điện tử - Viễn thông		PHY01590		67.50	45.00			PHY00501
6	Võ Anh	Duy	2	5	1990				Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học khoa học - Đại Học Huế	Khoa học máy tính		PHY01591		77.50	46.25			PHY00078
7	Dương Thị Thu	Hiền				11	10	1981	Phù Mỹ, Bình Định	Trường đại học Đà Nẵng	Khoa học máy tính		PHY01592		VT	VT			PHY00165
8	Trần Thị Xuân	Hiệp				25	11	1991	Thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP HCM	Hệ thống thông tin		PHY01593		72.50	56.25			PHY01026
9	Biện Lê Anh	Hưng				28	4	1986	Mỹ Phú, An Hiệp, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học sư phạm kỹ thuật TP HCM	Công nghệ thông tin		PHY01594		VT	VT			PHY00127
10	Vũ Thiên	Hương				8	11	1989	Xã Xuân Long, Đồng Xuân, Phú Yên	ĐH Khoa học - ĐH Huế	Khoa học máy tính		PHY01596		VT	VT			PHY00512
11	Văn Ngọc	Huy				26	9	1988	Phú Hòa, Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	ĐH Bách Khoa TP HCM	Điện tử - Viễn thông		PHY01599		VT	VT			PHY00538
12	Võ Thị Út	Lợi				20	10	1989	Hòa Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Học viện Hàng không Việt Nam	Công nghệ Điện tử Viễn thông		PHY01605		65.00	38.75			PHY00514
13	Trần Thị Gen	Ni				25	5	1989	Xuân Thạnh 2, Hòa Tân Tây, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học khoa học - Đại Học Huế	Khoa học máy tính		PHY01614		VT	VT			PHY00106
14	Đặng Quốc	Phong	15	4	1991				Hòa Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	ĐH giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh	Truyền thông và mạng máy tính		PHY01615		67.50	53.75			PHY00008
15	Nguyễn	Phong	9	11	1986				Hậu Lộc, Thanh Hóa	Trường đại học Phú Yên	Tin Học		PHY01616		70.00	47.50			PHY00093
16	Nguyễn Xuân	Phong	20	12	1992				Tuy Hòa, Phú Yên	Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP HCM	Truyền thông và Mạng máy tính		PHY01617		70.00	51.25			PHY01038
17	Phạm Ngọc	Phượng	12	6	1989				Xuân Sơn Bắc, Đồng Xuân, Phú Yên	Trường đại học Phú Yên	Tin Học	HTNVQS	PHY01619	10	70.00	70.00			PHY00105

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
18	Phạm Bá	Quy	23	4	1987				67/6 Lê Thành Phương, P8, Tuy Hòa, Phú Yên	Trường đại học kỹ thuật công nghệ TP Hồ Chí Minh	Mạng máy tính		PHY01622		50.00	46.25			PHY00162
19	Nguyễn Thị Cẩm	Quỳnh				17	1	1989	Thôn Mỹ Phú, An Hiệp, Tuy An, Phú Yên	Trường đại học khoa học, Đại học Huế	Khoa học máy tính		PHY01625		65.00	36.25			PHY00100
20	Lê Văn	Sơn	20	5	1988				Thôn Chánh Nam, xã Xuân Thọ 1, Thị xã Sông Cầu, Phú Yên	Trường đại học Quy Nhơn	Điện tử viễn thông		PHY01626		VT	VT			PHY00080
21	Lê Quang	Thịnh	28	5	1985				Phú Thọ 3, Hòa Hiệp Trung, Đông Hòa, Phú Yên	Trường đại học Dân Lập Văn Lang	Tin Học		PHY01631		82.50	43.75			PHY00184
22	Nguyễn Trọng	Tiếp	23	1	1988				Chi Đồng, Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	Trường đại học Tôn Đức Thắng	Khoa học máy tính		PHY01634		VT	VT			PHY00197
23	Võ Thành	Vụ	20	6	1985				Hòa Quang Nam, Phú Hòa, Phú Yên	Trường đại học khoa học Huế	Khoa học máy tính		PHY01641		67.50	41.25			PHY00147
24	Trần Thị Minh	Vy				15	1	1987	Sơn Hà, Sơn Hòa, Phú Yên	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ thông tin		PHY01642		VT	VT			PHY00112
25	Nguyễn Minh	Ý	4	7	1985				Phú Nông, Hoà Bình 1, Tây Hòa, Phú Yên	Trường đại học Phú Yên	Công nghệ thông tin		PHY01643		VT	VT			PHY00034
26	Trần Hữu	Ý	16	11	1989				Thôn Phụng Tường 2, xã Hòa Trị, Huyện Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Tôn Đức Thắng	Tin Học		PHY01644		75.00	42.50			PHY00170
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
1	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt				20	5	1986	Phú Lâm, TP Tuy Hòa, Phú Yên	ĐH Quy Nhơn	Quản lý nhà nước		PHY01646		80.00	51.25	60.00		PHY00544
2	Nguyễn Thị	Trang				20	12	1992	Phú Vang, Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Phú Yên	Học viện Hành chính Quốc gia	Quản lý công		PHY01649		70.00	53.75	62.50		PHY00543
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

ngt